

# NGÀY VỀ, ANH EM HỘI NGỘ SAU 41 NĂM CÁCH BIỆT

*Nhật ký bằng Anh ngữ của Kiều Chinh  
Nguyễn Ngọc Bảo chuyển ngữ  
(Báo Ngày Nay, số phát hành ngày 15 tháng 9 năm 2007)*

*LTS: Ngày 23 tháng 9, một chương trình vinh danh 50 năm điện ảnh Kiều Chinh sẽ được bốn cơ quan truyền thông Việt ngữ ở Houston tổ chức tại thính đường Stafford Performing Arts. Nhân dịp này, Ngày Nay xin đăng tải phần nhật ký của bà ghi lại chuyến trở về Việt Nam vào tháng tư năm 1995, sau 20 năm định cư tại xứ người, để quý độc giả có thể hiểu thêm về cuộc đời người diễn viên nổi tiếng.*

*Lý do chính thức của chuyến bà về Việt Nam là để khánh thành ngôi trường tiểu học do hội Vietnam Memorial Association, một hội bà là đồng chủ tịch sáng lập, xây tặng các trẻ em Việt Nam tại Đông Hà, Quảng Trị. Tuy nhiên, bà đã nhân cơ hội này để gặp lại người anh đã cách xa 41 năm, và tìm hiểu nguyên nhân khiến gia đình bà phải ly tan. Sau khi hiệp định Geneva chia đôi đất nước được ký kết năm 1954, bà vào Nam nhưng thân phụ và người anh ở lại miền Bắc.*

*Phần nhật ký của bà, bằng Anh ngữ, đã được nhật báo Los Angeles Time, số phát hành ngày thứ ba, 13 tháng 6 năm 1995 đăng trong hai trang của section Life & Time, một section chuyên đăng các bài viết về những nhân vật nổi tiếng của nước Mỹ. Về sau, phần này được bao gồm trong tác phẩm "Kieu Chinh, Vietnamese American", ra mắt tại viện bảo tàng Smithsonian tháng 1 năm 2007 tại Hoa Kỳ.*

*Cũng xin nói thêm thân phụ tài tử Kiều Chinh là ông Nguyễn Cửu, một viên chức tài chánh cao cấp trong chính phủ Quốc Gia trước năm 1954. Ở lại miền Bắc, ông đã bị tù đầy nhiều năm trời và đã chết năm 1978 trong hoàn cảnh thiếu thốn. Anh của bà, ông Nguyễn Tích Lân, người bà gặp lại sau 41 năm xa cách và nhắc đến nhiều trong thiên nhật ký, cũng đã từ trần năm 2003 vì bạo bệnh trong lúc bà đang làm thủ tục bảo lãnh ông sang Hoa Kỳ thăm gia đình bà.*

*Phần nhật ký đăng tải sau đây là bản dịch của kỹ sư Nguyễn Ngọc Bảo trong ban biên tập Ngày Nay.*

\*\*\*

## Ngày 19 tháng Tư

Tuy đã 41 năm cách biệt, chúng tôi nhận ra nhau ngay khi tôi bước xuống phi trường Nội Bài ở ngoại thành Hà Nội.

Trong chiếc sơ mi trắng, quần đen, cà vạt, và vớ bó hồng đỏ thắm trên tay, anh tôi như bốc khỏi mặt đất khi vừa trông thấy tôi. Chúng tôi ôm nhau, cười qua dòng nước mắt. Gục đầu vào vai anh, tôi thầm thì, “Trời ơi, anh, anh Lân!”

“Anh đợi Chinh lâu lắm rồi!”, anh tôi dịu dàng nói.

Cùng đến phi trường đón tôi có vợ anh Lân và Loan, cô con gái đầu của anh. Ngồi trong xe trên đường đến khách sạn, tôi và anh nắm chặt tay nhau. Tôi mừng khi thấy bàn tay anh vẫn gân

guốc, rắn chắc, dù anh đã trải qua nhiều thập niên sống trong cảnh làm than với những việc mưu sinh nặng nhọc.

Trước khi anh rời khách sạn, tôi nhắc với anh những điều tôi muốn thực hiện trong chuyến về thăm nhà, những nơi tôi muốn đến, và những người thân tôi cần viếng thăm.

“Chinh đừng lo, mọi việc đã được sắp đặt theo ý Chinh. 8 giờ sáng mai, anh sẽ đưa Chinh đến Sơn Tây để thăm mộ bố,” anh bảo tôi.

Khoảng ba giờ sáng, vừa thiếp ngủ, tôi giật mình choàng dậy vì tiếng mưa đổ trên mái ngói. Hà Nội mưa. Nhìn qua cửa sổ khách sạn, ngoài trời đang mưa. Tôi băn khoăn tự hỏi Hà Nội bây giờ ra sao, rạp xi nê Philamonique và nhà hát Cầu Gỗ ngày xưa bố thường dẫn tôi đến có còn như trước? Rồi tôi nhớ căn nhà cũ của gia đình ở số 10 đường Lê Trực với cây ngọc lan cao to đã phủ hương thơm và bóng mát xuống quãng đời thơ ấu của tôi. Chẳng hiểu căn nhà ấy có còn nguyên vẹn?

Bỗng dưng, tôi nhớ lại buổi tối với bố tôi 41 năm về trước. Khi bất chợt thức giấc lúc nửa đêm trong căn phòng đã gần như trống trải, tôi trông thấy bố ngồi ở một góc và trầm ngâm hút thuốc.

“Ngủ lại đi con,” bố dịu dàng bảo.

“Ngày mai, bố con mình ra phi trường. Chúng ta sẽ vào Nam,” ông nói tiếp.

Tuy nhiên, phải sau hai ngày chờ đợi, bố con tôi mới ra đến phi trường. Phút cuối, bố đẩy tôi lên tàu bay một mình:

“Chinh, con hãy đi trước. Bố phải ở lại để tìm anh Lân. Bố sẽ vào Nam gặp con sau.”

“Can đảm lên Chinh, Chinh của bố. Bố yêu con!” Đó là lời cuối cùng bố tôi nói với tôi.

## **Ngày 20 tháng Tư**

Tôi cảm thấy lòng nôn nao và tim đập dồn dập suốt đoạn đường xe chạy từ Hà Nội đến nghĩa trang Yên Kỳ, nơi bố tôi an nghỉ. Nghĩa trang nằm bên cạnh một dãy núi ở Sơn Tây, cách Hà Nội hơn 60 cây số về hướng Tây Bắc.

Ngoài bố tôi, nghĩa trang này còn là nơi an nghỉ của mẹ tôi cùng với một người anh và cậu em út của tôi. Mẹ tôi qua đời khi tôi vừa 6 tuổi. Ngày ấy, sau khi sinh em tôi, cả mẹ lẫn con đều thiệt mạng ngay tại bệnh viện khi phi cơ đồng minh oanh tạc quân Nhật tại Hà Nội trong thế chiến thứ hai. Người anh tôi, tên Khuê, cũng qua đời khi tôi còn nhỏ.

Bước đến mộ bố, tôi nhận ra mộ phần còn mới. Anh tôi cho biết mộ vừa được xây và bia được dựng chỉ khoảng hai tuần trước khi tôi trở về. Sau khi bố mất, anh không đủ khả năng tài chánh để xây mộ. Anh đã cố thực hiện điều này để tôi không phải buồn tủi khi nhận thấy phần mộ không xứng đáng với con người của bố.

Áp cả hai bàn tay lên mộ bia, ngay lập tức, tôi cảm nhận được sự hiện diện của bố, một giao cảm không thể nhầm lẫn. Tôi thâm thì với bố:

“Bố ơi, con đây. Con đã về. Phải chi con được gặp bố, được ôm bố, thay vì ôm nắm mồ của bố.”

Nước mắt dàn dụa trên mặt khi tôi xin bố tha thứ cho việc tôi đã không thể ở bên bố khi bố cần tôi nhất.

Tôi thấp hương cắm trên mộ. Những thẻ hương nghi ngút khói bên cạnh bó hoa và khay trái cây. Rồi tôi và anh Lân cùng nhau trồng một cây trúc nhỏ ngay trước mộ phần.

Tôi đứng run rẩy trước mộ bố. Rồi cũng đến lúc phải từ biệt. Tôi quỳ xuống, hôn lên mộ bia.

“Bố ơi, Con phải đi. Bố ơi, bố ơi, con yêu bố!”

Trở về Hà Nội, anh Lân đưa tôi đến thăm Hỏa Lò, nhà tù nổi tiếng trong thời chiến và thường được người Mỹ nhắc đến với tên gọi “Hanoi Hilton”. Anh cho biết bố tôi từng bị giam tại nơi này trong hai năm, trước khi bị chuyển đến những nhà tù khác ở Lào Kay, Yên Bái.

Trên nền cũ của nhà tù hiện chỉ còn cánh cổng và vài bức tường. Hỏa Lò đang được đập phá để lấy chỗ xây một khách sạn quốc tế. Tiếng búa máy còn nện mãi trong đầu tôi sau khi đã rời khỏi nơi này.

Buổi chiều, chúng tôi đứng trước nơi từng là căn nhà cũ của gia đình ở số 10 đường Lê Trực. Chỗ này bây giờ là một khu buôn bán. Đứng gần tôi là một bà cụ với sạp bán bún riêu ốc.

“Chinh có nhận ra nhà cũ không?” anh Lân hỏi.

Tôi ngơ ngác nhìn quanh. Khung cảnh thật xa lạ. Anh chỉ tay vào một nơi có nhiều cửa hàng nhỏ chen chúc bên nhau.

“Chinh thấy không? Cánh cổng sắt cũ nhà ta còn kìa!”

Quả thế, cánh cổng sắt vẫn còn ở chỗ cũ. Tuy nhiên, mặt tiền ngôi biệt thự hai tầng thuở trước nay là dăm bảy căn nhà trệt dùng làm cửa tiệm tạp hoá, bày bán nhiều thứ hàng khác nhau, từ lồng chim cho đến giày dép.

“Sau khi Chinh vào Nam, nhà bị tịch thu và ngăn thành nơi trú ngụ cho hơn chục gia đình,” anh nói.

Căn phòng khách rộng rãi, thoáng đãng của chúng tôi ngày nào giờ đây ngổn ngang những giường chiếu. Tôi bước lên chiếc cầu thang gỗ nay đã ọp ẹp dẫn đến phòng ngủ cũ của tôi.

Tôi gõ nhẹ cánh cửa. Một cô bé từ bên trong bước ra. Tôi tự giới thiệu và xin phép vào thăm phòng.

Tôi hỏi cô bé ngủ ở chỗ nào trong căn phòng. Cô chỉ tay về bên trái. Đó là nơi ngày xưa tôi thường đứng nhìn ra cửa sổ, và mơ những ước mơ tuyệt đẹp của thời thơ ấu. Thuở ấy, từ khung cửa sổ, tôi có thể trông thấy cây ngọc lan trong vườn. Giờ đây, tôi và cô bé, cũng từ khung cửa ấy, chúng tôi trông thấy những mái nhà, cái thấp cái cao, cái cũ cái mới, nằm ép bên nhau một cách chắp vá.

Tôi thầm mong cho cô bé sẽ đạt được những ước mơ của cô.

## **Ngày 21 tháng Tư**

Sáng hôm nay, tôi đến thăm nhà văn Ngọc Giao, người bố nuôi của tôi. Ông từng là một nhà văn nổi tiếng ở Hà Nội trước khi đất nước bị chia đôi vào năm 1954.

Thuở ấy, căn nhà của chúng tôi ở số 10 đường Lê Trực là một “câu lạc bộ” văn học. Nhiều văn nghệ sĩ bạn bố tôi thường xuyên ghé đến nhà. Trong số những vị này có nhà văn Ngọc Giao, người bạn thân nhất của bố và cũng là tác giả những tác phẩm văn học bán chạy nhất thời tiền chiến. Sau khi cộng sản chiếm miền Bắc, ông bị tước đoạt quyền sáng tác.

Nhà văn Ngọc Giao hiện sống trong ngôi nhà hai tầng ở cuối một con ngõ hẹp. Khi dẫn tôi vào nhà, người con trai lớn của ông cười bảo: “Bố diện complet, cà vạt để đón tiếp Chinh đấy. Bố bồn chồn đợi Chinh suốt cả buổi sáng.”

Trong bộ âu phục tề chỉnh và lịch sự, nhà văn Ngọc Giao, nay đã 86 tuổi, với mái tóc bạc dài phủ xuống cổ, đứng ở chân cầu thang đón tôi. Ông dang rộng hai tay rồi ôm chặt lấy tôi. Tôi nhìn thấy những giọt nước mắt trên má ông.

“Chinh, bác đợi con từ bao năm rồi.”

Ông ôm chặt tôi một chốc rồi buông ra, cho tay vào túi lấy một tấm ảnh nhỏ.

“Con nhìn xem này!”

Trong ảnh là khuôn mặt tôi thời xa xưa ấy, một cô bé vừa 14 tuổi. Mặt bên kia tấm ảnh là hàng chữ nắn nót: “Kính tặng bác, người bạn thân nhất của bố con.”

Sau vài phút thăm hỏi nhau, nhà văn Ngọc Giao dẫn tôi lên phòng riêng của ông ở trên gác. Ông chỉ cho tôi chiếc phản gỗ kê bên cạnh cửa sổ.

“Bố con từng ngủ trên chiếc phản này. Sau khi ra tù, bố con thường lén đến đây trong những đêm mưa gió. Bố con nằm bên này, bác nằm bên kia.”

Tôi ngồi xuống giường và đưa tay xoa lên mặt phản, nơi bố tôi đã nằm. Lòng tôi cuộn lên một nỗi xót xa. Tôi lặng lẽ khóc.

Nhà văn Ngọc Giao cho tôi biết, khi ra khỏi tù, bố tôi chỉ còn một góc nhỏ trong ngôi nhà rộng rãi từng là của ông. Sống không hộ khẩu, không việc làm, thật vất vả cho ông khi phải chạy ăn từng bữa.

“Ngày đó, khó khăn lắm, khó khăn lắm con ạ. Mỗi buổi sáng, bác gái gói một ít xôi cho bố con. Để lấy gói xôi, bố con phải đi bộ vài cây số, qua mấy con đường, đến chỗ vỉa hè, nơi gia đình bác ngồi bán xôi nếp. Khi đến nơi, để tránh gây liên lụy cho bác, bố con nhận gói xôi rồi đi ngay. Con ơi, con cần hiểu rằng bố con là một người tự trọng, một người đáng kính. Bác luôn luôn hãnh diện có một người bạn thân như bố con.”

Dứt lời, người bố nuôi cầm hai tay tôi mà bảo rằng ông rất ân hận vì đã không ở bên cạnh bố tôi khi bố tôi qua đời vào năm 1978. Ông nói:

“Bố con thường tâm sự với bác rằng ông yêu con vô cùng. Ông bảo ông hiểu con. Ngay từ khi con còn nhỏ, ông đã tiên đoán con rồi sẽ thành một nghệ sĩ.”

Nhà văn Ngọc Giao nói tiếp:

“Bác gặp bố con vài ngày trước khi bố con mất. Trong lần gặp cuối ấy, bố con bảo rằng ông ước ao vượt qua được mọi nghịch cảnh để gặp lại con. Nếu ông chịu thua định mệnh và phải ra đi sớm, thì nhờ bác chuyển đến con lời nhắn là ông đã cố gắng sống một đời xứng đáng, để con có thể hãnh diện vì bố con.”

Khi tiễn tôi khỏi cửa, người bố nuôi bảo: “Bác đã đợi con suốt bao năm dài để chuyển cho con lời nhắn của bố con. Bây giờ, bác đã yên tâm và sẵn sàng cho cuộc hội ngộ với bố con ở một thế giới khác.”

## **Ngày 22 tháng Tư**

Đêm cuối cùng ở Hà Nội, tôi ngủ tại nhà cháu Loan với gia đình anh tôi. Hàng năm, sau khi đã nghỉ hưu, anh tôi sống vài tháng tại đây và phần còn lại tại nhà cô em của Loan ở Sài Gòn.

Kể từ ngày trở về cho đến hôm nay, đã nhiều lần tôi muốn hỏi anh tôi những chuyện đã xảy ra cho bố, cho anh, những câu hỏi ám ảnh tôi trong suốt hơn 40 năm trời. Tuy nhiên, tôi cứ phải dằn lòng và nhủ thầm là chưa đến lúc thuận tiện. Hãy vui với niềm vui xum họp trước đã, đừng quá vội vàng khơi lại những vết thương xưa. Thôi, hãy đợi nữa đi, cứ đợi nữa đi.

Anh tôi đã thu xếp để cùng đi với tôi vào Quảng Trị, Huế, và Sài Gòn. Chúng tôi sẽ khởi hành chiều hôm sau.

## **Ngày 23 tháng Tư**

Hà Nội ơi... xin giã biệt.

Lần trước, khi xa Hà Nội, tôi một mình ngồi trên chuyến bay xuôi Nam. Bố tôi và anh tôi ở lại.

Hôm nay, tôi có anh bên cạnh khi máy bay cất cánh. Chúng tôi cầm tay nhau và chụm đầu nhìn ra ô cửa kính nhỏ. 41 năm về trước, nếu có bố và anh trong chuyến bay vào Nam, chắc chắn cuộc đời của chúng tôi đã có nhiều, rất nhiều, thay đổi.

Chặng dừng đầu tiên của chúng tôi là thị xã Đông Hà, thuộc tỉnh Quảng Trị. Tại đây, chúng tôi trú ngụ trong một căn nhà nhỏ được địa phương dùng làm nhà khách.

Buổi tối, tôi tham dự phiên họp với các hội viên hội Vietnam Memorial Association (VMA) mà tôi là đồng chủ tịch. Cùng với tôi, những người này từ Hoa Kỳ đến đây để dự lễ khánh thành ngôi trường tiểu học hội đã xây tặng các trẻ em vùng này vào buổi sáng hôm sau.

Lúc tôi về phòng, anh Lâm đã ngủ. Tôi đứng nhìn anh. Anh nằm ngủ trông giống hệt bố.

## **Ngày 23 tháng Tư**

Bấy giờ sáng, chúng tôi tề tựu trước ngôi trường hai tầng với 12 lớp học, được xây gần khu phi quân sự trong chiến tranh Việt Nam, như một biểu tượng để tưởng niệm những người thiệt mạng trong cuộc chiến.

Bên cạnh tôi là hai người bạn đồng hành trong hội VMA, gồm nhà báo Terry Anderson, người từng bị bắt làm con tin trong suốt 6 năm kể từ 1985 tại Beirut, Lebanon, và hiện là đồng chủ tịch của VMA với tôi; cùng ông James Kimsey, một cựu chiến binh tại Việt Nam và hiện là chủ tịch sáng lập công ty America On-Line. Ông Kimsey chính là người bảo trợ dự án xây trường,

Ngôi trường được đặt tên “Lewis B. Puller Jr.”, tên một trong những thành viên sáng lập VMA. Ông vốn là một trung úy Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đã tham dự cuộc chiến Việt Nam. Sau khi giải ngũ, ông trở thành một tác giả nổi tiếng từng được trao giải Pulitzer Prize, một giải thưởng cao quý trong giới văn học Hoa Kỳ. Trong cuộc chiến Việt Nam, vào tháng 10 năm 1968, trung úy Puller bị thương mất cả hai chân và một phần của cả hai bàn tay khi dẫm phải một quả mìn. Năm ngoái, tức năm 1994, ông Puller tự tử bằng súng sau một thời gian dài bị bệnh trầm cảm.

Khoảng 200 người từ các làng lân cận, cùng các học sinh trong đồng phục quần xanh áo trắng đã tham dự lễ khánh thành ngôi trường.

“Tôi hy vọng các em sẽ được sống trong một thế giới an bình, và sống một đời tự do, hạnh phúc;” trong bài diễn văn khai mạc, tôi đã nhấn mạnh lời này với các em, những đại diện cho tương lai của đất nước. Đó cũng là lời tôi thầm khấn nguyện khi chúng tôi cùng nhau trồng những cây nhỏ trong sân trường.

Sau buổi lễ khánh thành, chúng tôi lên xe đến thăm cô đô Huế.

Tại Huế, chúng tôi có dịp ghé chùa Thiên Mụ, nơi tôi đã khởi đầu sự nghiệp diễn xuất điện ảnh qua vai một ni cô trong phim “Hồi Chuông Thiên Mụ” ở thời điểm 38 năm về trước.

“Có phải bà là tài tử đóng phim Kiều Chinh không?” một cụ già bán hương đèn trước cổng chùa hỏi với theo khi tôi sắp sửa rời chùa. Thấy vẻ ngạc nhiên của tôi khi bị nhận diện, cụ cười, nói tiếp:

“Tôi nhận ra bà ngay. Tôi đã gặp bà trong đoàn đóng phim đến chùa ngày ấy.”

Tôi dừng lại hỏi han cụ và được biết từ ngày tôi đến đây để đóng cuốn phim đầu tiên cho đến nay, đã gần 40 năm trôi qua, vẫn không có gì thay đổi đối với gia đình cụ. Họ vẫn đứng bán hương đèn trước cổng chùa.

Đêm đến, tôi, anh tôi, và những bạn đồng hành tham dự một chương trình đàn hát nhạc cổ truyền và ngâm thơ trong khoang một con đò bèo trên sông Hương. Ngồi bên cạnh tôi, anh Lân tỏ vẻ xúc động, phần vì lời lẽ và âm hưởng của những bài thơ, phần vì có cô em gái bên cạnh. Về khuya, mỗi người khách được nhà đò trao tặng một con thuyền nhỏ gấp bằng giấy và một mẫu nến. Khách thắp ngọn nến lên, đặt vào lòng thuyền, rồi thả thuyền trôi trên sông, cùng với những nguyện cầu từ tâm khảm.

Hai anh em thắp nến đặt vào lòng thuyền. Hai chiếc thuyền được thả xuống cùng một lượt.

“Anh Lân, anh ước nguyện điều gì?” tôi hỏi.

Đăm đăm nhìn vào đóm lửa lập lòe của ngọn nến trên con thuyền giấy đang bập bềnh theo sóng nước, anh tôi dịu dàng cất tiếng:

“Anh ước mong Chinh sẽ trở lại. Sẽ trở lại. Thật sớm!”

## **Ngày 25 tháng Tư**

11 giờ sáng, chuyến bay chờ chúng tôi đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất ở Sài Gòn, thành phố với tôi đã 20 năm cách biệt.

Sài Gòn có quá nhiều thay đổi. Những vùng tôi đi qua hầu như không còn đất trống. Chen lẫn bên những mái nhà cũ kỹ màu xám tro là những mái ngói thẫm đỏ của những ngôi nhà vừa được dựng lên. Dọc theo các ngã đường là những bảng quảng cáo loè loẹt, kèn càng (billboards) che khuất tầm mắt. Xe cộ, nhất là xe gắn máy, tấp tểnh ngược xuôi kín khắp ngõ đường. Tại trung tâm thành phố, tiếng máy xe, tiếng còi xe, và tiếng người trộn vào nhau, tạo nên một thứ âm thanh ồn ào, hỗn độn. Cảnh vật trước mặt tôi như bị mờ đi qua một màn sương mù mỏng, tạo thành từ những làn khói cuộn cuộn phả ra từ những chiếc xe gắn máy đang gầm rú trên đường. Cũng tại nơi này, người ta có thể chứng kiến đủ loại thời trang, muôn màu muôn vẻ. Tôi trông thấy nhiều người vừa rảo bước trên hè phố vừa áp sát điện thoại di động vào tai.

Đang đi trên một hè đường tấp nập, tôi gặp một người đàn ông tàn tật ngồi trên chiếc “xe lăn” thô sơ, một xe lăn tự tạo với mảnh ván gỗ cũ kỹ gắn trên bốn bánh xe nhỏ. Ông ta giờ tay phác một cử chỉ như muốn chặn tôi lại.

“Thưa bà,” người đàn ông nói, “Tôi là một thương phế binh của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Xin bà giúp đỡ tôi.”

Trái tim tôi bỗng thắt lại khi nghe ông nói. Tôi băng khuâng, tôi xót xa tự hỏi sự giúp đỡ nhỏ nhoi của tôi sẽ mang đến cho ông những gì. Cho đến lúc tôi bước vào khách sạn, hình ảnh người thương binh ấy vẫn còn day dứt trong trí tôi.

## **Ngày 26 tháng Tư**

Tôi đứng trước căn nhà cũ. Đó là một ngôi biệt thự cạnh trường đua Phú Thọ. Tôi tần ngần gõ cửa. Người chủ nhà bước ra. Tôi bảo với ông rằng tôi vốn là chủ nhân căn nhà từ trước năm

1975, hiện định cư tại Mỹ và vừa về thăm quê hương. Tôi xin được vào nhà trong dăm bảy phút để tìm lại những kỷ niệm cũ.

Nghe tôi nói, người chủ mới đóng sầm cánh cửa ngay trước mặt tôi.

## **Ngày 27 tháng Tư**

Đã đến lúc anh tôi và tôi phải chia sẻ cho nhau những gì đã xảy ra cho chúng tôi kể từ khi cách biệt. Tôi nhủ thầm như thế khi hai anh em bước lên căn gác nhỏ trong ngôi nhà ba tầng của cô con gái út anh ở Sài Gòn.

“Anh đã sống trong căn phòng này mỗi khi về đây. Đây là thế giới riêng của anh,” anh tôi nói.

Căn phòng thật nhỏ, chỉ đủ chỗ cho một chiếc giường đơn và một tủ áo.

Chúng tôi ngồi trên giường, chăm chú xem những tấm ảnh gia đình trong quyển album của anh. Khi giờ đến trang có ảnh anh ngày còn nhỏ, mặc quần áo nhung và đội mũ dạ, đang nắm chặt tay bố, tôi nhìn vào mắt anh khẽ hỏi:

“Em muốn hỏi anh một câu đã ám ảnh em suốt bao năm qua. 41 năm về trước, anh bỏ nhà đi đâu; và sau này, đời sống anh ra sao?”

“Đêm hôm ấy, anh và anh Hiệp Cao đạp xe đạp đi Bắc Ninh để tham gia phong trào sinh viên học sinh yêu nước. Sau đó, chúng anh vào bung,” giọng anh như chùng hẳn xuống.

“Bố đã ở lại để tìm anh, anh biết không? Đến bao giờ thì bố gặp lại anh?”

“Mãi gần một năm sau, tháng 10 năm 1955, anh mới trở về nhà cũ ở đường Lê Trực. Lúc bấy giờ bố đã bị bắt.”

Không khí im lặng bao trùm hai anh em. Rồi tôi ngược lên nhìn anh:

“Anh có đi bộ đội không? Có ra trận không? Có vào đảng không?”, tôi hỏi dồn dập.

“Không phải ai cũng có thể gia nhập bộ đội hoặc trở thành đảng viên.”

“Sau hai năm ở Hỏa Lò, bố bị chuyển sang trại tù ở Lào Kay, Yên Bái. Anh có gặp bố tại trại này không?”

“Một lần, chỉ một lần thôi.”

“Tại sao chỉ một lần?”

“Vì sau đó, anh cũng bị bắt. Anh bị giam tại Hỏa Lò khoảng một năm, rồi bị chuyển sang các trại lao động cải tạo khác trong suốt ba năm trời.”

“Trong tù, bố có phải lao động không?”

“Khi anh gặp bố lần ấy, bố ở trong đội chẻ tre và đan rổ, đan thúng.”

Bất chợt, anh nắm lấy tay tôi. Trông anh như già thêm 10 tuổi. Anh khản khoản:

“Chinh ơi, chúng ta ngừng ở đây thôi. Anh không thể trả lời thêm được nữa. Chiến tranh đã mang đến bao mất mát, khổ đau, và tai họa. Không phải chỉ cho gia đình chúng ta mà cho tất cả mọi người. Mọi thứ đã trôi qua. Anh em chúng ta chỉ còn lại tình yêu dành cho nhau. Mình yêu thương nhau là đủ rồi Chinh ạ. Đừng nhắc quá khứ nữa.”

Để yên tay mình trong tay anh, tôi cố gắng nói với giọng bình thản:

“Em hiểu, nhưng anh Lân, xin cho em thêm hai câu hỏi nữa thôi. Em muốn biết bố mất như thế nào? Bố trôi trần những gì, và ai ở gần bố trong giờ phút cuối?”

“Bố mất năm 1978 vì bệnh kiết lỵ mà không có thuốc thang. Lúc bố ra đi, không có ai bên cạnh. Sáng hôm ấy, bố trở bệnh nặng. Anh ra đường tìm mua kẹo bột để bố ăn với cháo trắng. Khi anh trở về, bố đã mất.”

Chúng tôi ngồi thẫn thờ, im lặng. Anh cúi đầu nhìn xuống đất, như chờ đợi câu hỏi cuối với vẻ cam chịu.

“Còn anh, trong thời gian bị giam, anh phải làm những gì?”

“Anh làm tất cả những gì có thể làm để sống sót. Anh cắt lốp bánh xe cũ để làm dép. Anh đun sáo để làm nến...”

Bỗng dưng tôi nhớ đến ánh nến lung linh trong lòng chiếc thuyền giấy chở những ước mơ của chúng tôi đã thả trên sông Hương. Tôi ôm chặt lấy anh, rồi hôn lên má anh.

“Ngày mai, Chinh lại đi...” anh khẽ nói.

“Nhưng em sẽ trở về.”

Anh ngược mắt nhìn tôi như đo lường lời nói. Tôi đặt tay lên tay anh, giọng quả quyết:

“Em sẽ về, hy vọng có cả chị Tĩnh và các cháu đi theo. Những đứa con của anh em chúng ta, chúng phải gặp nhau.”

### **Ngày 28 tháng Tư**

Mãi đến 2 giờ sáng, tôi mới có thời giờ thu xếp hành lý. Đúng 5 giờ, anh đưa tôi ra phi trường để tôi đáp chuyến bay trở lại Hoa Kỳ. Khi bước qua cánh cửa phòng cách ly ngăn đôi kẻ đi người ở, tôi quay đầu nhìn lại và thấy bên kia lớp tường kính, anh tôi đang chạy đến như để nói thêm một lời từ biệt. Tôi quay lại và chạy về phía anh.

Chúng tôi đứng đó, áp hai bàn tay vào nhau.

Giữa hai bàn tay là vách kính ngăn cách chúng tôi, lớp kính trong suốt và buốt lạnh.

*Kiều Chinh*